

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 397, Điều 212, Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;  
Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116, Điều 117, Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” thụ lý số 16/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Ông Đỗ Đức K, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Số 212 C5 N, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Bà Phạm Thu T, sinh năm 1978;

Địa chỉ: 901 Lô B chung cư P, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Đức K và bà Phạm Thu T qua thời gian tìm hiểu thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn vào năm 2003 (Giấy chứng nhận kết hôn số 82 quyển số 01/2003 đăng ký ngày 21/03/2003 tại Ủy ban nhân dân Phường S, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu).

Trong quá trình chung sống hai bên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trong tất cả các lĩnh vực. Cả hai đã cố gắng cùng nhau khắc phục sửa chữa nhưng không có kết quả và đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Hiện cả hai xác định tình cảm vợ chồng đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được và không có khả năng đoàn tụ nên cả hai bên cùng thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn là phát sinh việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa ông Đỗ Đức K và bà Phạm Thu T không đạt được, mâu thuẫn trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ. Việc thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận.

[2] Về con chung: Căn cứ vào các bản sao Giấy khai sinh số 04, quyển số 01 đăng ký ngày 17/01/2007 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G, Thành phố Hà Nội; bản sao Giấy khai sinh số 101, quyển số 01/2008 đăng ký ngày 08/12/2008 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G, Thành phố Hà Nội; bản sao Giấy khai sinh số 10/2011 đăng ký ngày 17/01/2011 tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh và xác nhận của ông Đỗ Đức K và bà Phạm Thu T thì ông bà có 03 (ba) con chung, họ và tên Đỗ Trí D, sinh ngày 27/12/2006; Đỗ Phạm Hoàng N, sinh ngày 13/11/2008 và Đỗ Hoàng L, sinh ngày 23/12/2010.

Cả hai thỏa thuận sau khi vợ chồng ly hôn, giao 02 (hai) người con chung tên Đỗ Trí D, sinh ngày 27/12/2006 và Đỗ Phạm Hoàng N, sinh ngày 13/11/2008 cho ông Đỗ Đức K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao 01 (một) người con chung tên Đỗ Hoàng L, sinh ngày 23/12/2010 cho bà Phạm Thu T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Đỗ Đức K không yêu cầu bà Phạm Thu T cấp dưỡng nuôi hai con chung là trẻ D, trẻ N và không cấp dưỡng nuôi con chung là trẻ L. Bà Phạm Thu T không yêu cầu ông Đỗ Đức K cấp dưỡng nuôi con chung là trẻ L và không cấp dưỡng nuôi con hai con chung là trẻ D, trẻ N.

Xét, thỏa thuận này của các đương là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Ông Đỗ Đức K và bà Phạm Thu T cùng thống nhất không tạo lập tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, Tòa án không xét.

[4] Về nợ chung: Ông Đỗ Đức K và bà Phạm Thu T cùng cam đoan không có khoản nợ nào chung và cũng không thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, Tòa án không xét.

[5] Về lệ phí việc dân sự: Ông Đỗ Đức K và bà Phạm Thu T tự nguyện nộp toàn bộ lệ phí theo quy định về lệ phí, án phí của Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:**

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Đức K và bà Phạm Thu T thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 82 quyển số 01/2003 đăng ký ngày 21/03/2003 tại Ủy ban nhân dân Phường S, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu).

1.2. Về con chung: Ông Đỗ Đức K và bà Phạm Thu T có 03 (ba) người con chung tên Đỗ Trí D, sinh ngày 27/12/2006, Đỗ Phạm Hoàng N, sinh ngày 13/11/2008, Đỗ Hoàng L, sinh ngày 23/12/2010.

Cả hai thỏa thuận sau khi vợ chồng ly hôn, giao 02 (hai) người con chung tên Đỗ Trí D, sinh ngày 27/12/2006 và Đỗ Phạm Hoàng N, sinh ngày 13/11/2008 cho ông Đỗ Đức K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giao 01 (một) người con chung tên Đỗ Hoàng L, sinh ngày 23/12/2010 cho bà Phạm Thu T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Đỗ Đức K không yêu cầu bà Phạm Thu T cấp dưỡng nuôi hai con chung là trẻ D, trẻ N và không cấp dưỡng nuôi con chung là trẻ L. Bà Phạm Thu T không yêu cầu ông Đỗ Đức K cấp dưỡng nuôi con chung là trẻ L và không cấp dưỡng nuôi con hai con chung là trẻ D, trẻ N.

Bà Phạm Thu T và ông Đỗ Đức K có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung và không ai được cản trở. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con. Nếu có yêu cầu các đương sự sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

1.3. Về tài sản chung: Ông Đỗ Đức K và bà Phạm Thu T cùng thống nhất không tạo lập tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, Tòa án không xét.

1.4. Về nợ chung: Ông Đỗ Đức K và bà Phạm Thu T cùng cam đoan không có khoản nợ nào chung và cũng không thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, Tòa án không xét.

2. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông Đỗ Đức K và bà Phạm Thu T chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm đối với việc hôn nhân gia đình là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số AA/2021/0010448 ngày 01/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Vậy ông Đỗ Đức K và bà Phạm Thu T đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Tp.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Tp.HCM
- Đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Mai Thị Thái Hòa**